

GIỮ GÌN TIẾNG VIỆT TRONG SÁNG CHÍNH LÀ LÀM GIÀU THÊM BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM

REMAINING THE PURITY OF VIETNAMESE LANGUAGE MEANS TO GET RICHER OF VIETNAMESE CULTURAL IDENTITY

*Nguyễn Hữu Cầu**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 01/06/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 01/12/2022

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/12/2022

Tóm tắt: Ngôn ngữ chữ viết là phương tiện chuyển tải tự nhiên của văn hóa mỗi dân tộc, yêu mến và giữ gìn tiếng mẹ đẻ là quyền lợi trời phú cho mỗi dân tộc. Tổ chức UNESCO của Liên Hợp Quốc ngay từ năm 1999 đã đưa ra sáng kiến: “Học tiếng mẹ đẻ là một quyền lợi”, đồng thời từ năm 2000 đã lấy ngày 21/02 hàng năm làm Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ. Tiếng Việt là công cụ giao tiếp quan trọng nhất của người Việt, cũng tức là công cụ tư duy nhận thức, truyền tải văn hóa văn minh, lưu trữ lịch sử của dân tộc. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, người người đều có phần trách nhiệm. Tiếng mẹ đẻ - tiếng Việt chúng ta nói mỗi ngày, với bao nhiêu lời nói chúng ta dùng, chúng ta nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng, đọc được qua các bài viết với đủ các loại... trong hoạt động học tập, công tác nhất là công việc nghiên cứu, nhiều không thể kể hết được. Nhiều hiện tượng bất cập vẫn xảy ra trong quá trình sử dụng tiếng Việt chúng ta cứ tưởng là đúng mà thực ra lại là có vấn đề. Trong bài nghiên cứu này, tác giả sẽ từ những khía cạnh khác nhau của hiện tượng này trong tiếng Việt đi sâu phân tích làm rõ nguồn gốc và bản chất của chúng, nêu giải pháp khắc phục và cả những vấn đề tồn đọng chưa được giải quyết.

Từ khóa: chữ viết, ngôn ngữ, tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ, nguồn gốc.

Abstract: Written language is the natural means of conveying the culture of each nation, loving and preserving the mother tongue is a natural right for each nation. Since 1999, the United Nations' UNESCO has launched the initiative: “Learning a mother tongue is a right”, and since 2000 has designated February 21 every year as International Mother Language Day. Vietnamese is the most important communication tool of the Vietnamese people, which is also a tool for cognitive thinking, cultural transmission, and historical archiving of the nation. To preserve the purity of the Vietnamese language, everyone has a share of responsibility. Mother tongue - Vietnamese we speak every day, with how many words we use, we hear on the mass media, read through articles of all kinds... in learning activities practice, work is research work, many cannot be mentioned. Many inadequacies

*Trường Đại học Ngoại Ngữ- Đại học Quốc gia Hà Nội

still occur in the process of using Vietnamese, which we think is correct, but in fact there is a problem. In this research paper, the author will, from different aspects of this phenomenon in Vietnamese, analyze deeply, clarify their origin and nature, suggest solutions to overcome and even outstanding problems that have not yet been resolved. handle.

Keywords: *script, language, Vietnamese, mother tongue, origin.*

I. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ chữ viết là phương tiện chuyên tải tự nhiên của văn hóa mỗi dân tộc, yêu mến và giữ gìn tiếng mẹ đẻ là quyền lợi trời phú cho mỗi dân tộc. Tổ chức UNESCO của LHQ ngay từ năm 1999 đã đưa ra sáng kiến “Học tiếng mẹ đẻ là một quyền lợi”, đồng thời từ năm 2000 đã lấy 21/02 hàng năm làm Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ. Tiếng Việt là công cụ giao tiếp quan trọng nhất của người Việt, cũng tức là công cụ tư duy nhận thức, truyền tải văn hóa văn minh, lưu trữ lịch sử của dân tộc. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, người người đều có phân trách nhiệm. Tiếng mẹ đẻ - tiếng Việt chúng ta nói mỗi ngày, với bao nhiêu lời nói chúng ta dùng, chúng ta nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng, đọc được qua các bài viết với đủ các loại... trong hoạt động học tập, công tác nhất là công việc nghiên cứu, nhiều không thể kể hết được. Nhiều hiện tượng bất cập vẫn xảy ra trong quá trình sử dụng tiếng Việt chúng ta cứ tưởng là đúng mà thực ra lại là có vấn đề. Từ những khía cạnh khác nhau của hiện tượng này trong tiếng Việt, bài nghiên cứu sẽ đi sâu phân tích làm rõ nguồn gốc & bản chất của chúng, nêu giải pháp khắc phục và cả những vấn đề tồn đọng chưa được giải quyết. Là giảng viên của Đại học Sư phạm Ngoại ngữ (nay là trường Đại học Ngoại ngữ thuộc ĐHQGHN) từ cuối những năm 60 của thế kỷ trước sang những năm đầu thế kỷ 21 cho đến nay, đã từng giảng dạy tiếng Trung Quốc, văn hóa Trung Quốc, lý

luận & thực tiễn dịch thuật liên quan chặt chẽ với tiếng Trung Quốc và tiếng Việt muốn góp phần nhỏ bé vào việc nghiên cứu để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cũng chính là giữ gìn văn hóa Việt Nam trên đường phát triển.

II. Cơ sở lý luận

Sự trong sáng của tiếng Việt gắn chặt với chuẩn mực và việc hành chức của nó. Chuẩn mực tiếng Việt được thể hiện trên các bình diện ngữ âm - chữ viết (chính là), từ vựng, cú pháp... giúp hoàn thành tốt chức năng ngôn ngữ.

Tiếp xúc ngôn ngữ và giao lưu văn hóa trong xu thế toàn cầu hóa ảnh hưởng sâu sắc đến tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cần xử lý tốt quan hệ giữa tiếng Việt chuẩn và yếu tố vay mượn với hiện tượng tiếp biến văn hóa

III. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chính là nghiên cứu ứng dụng có kết hợp với nghiên cứu cơ bản xuất phát từ thực tiễn tiếng Việt được sử dụng trong các văn bản lời nói 2.2. Phân tích, tổng hợp, đối sánh các đơn vị liên quan thuộc bình diện ngữ âm - văn tự, từ vựng, ngữ nghĩa - cú pháp và văn hóa trên các ngữ liệu thu thập được.

IV. Hiện tượng ngữ âm- chính tả

4.1. Một số hiện tượng ngữ âm- chính tả tuy đã được chuẩn hóa quy định lại, song do thói quen sử dụng, đầu đó vẫn

bị nói sai/viết sai chính tả. Chẳng hạn, rồi rào (đúng: dồi dào), xử dụng (đúng: sử dụng), bổ xung (đúng: bổ sung). Hiện nay trong tiếng Việt vẫn tồn tại biến thể của một số từ nên chẳng được chuẩn hóa, vì một dạng tần số sử dụng cao, một dạng tần số sử dụng thấp, thậm chí rất thấp hoặc hầu như không dùng nữa. Chẳng hạn, cách giải thích trong từ điển tiếng Việt “a còn nói là b” như “thuở ấu thơ” còn nói là “thủa ấu thơ”, “xoi mói” còn nói là “soi mói”, “rao rục” còn nói là “rộn rục”, “già dặn” còn nói là “già giặn”, “rau sen” còn nói là “rau xen” (loài cây làm bờ giậu vừa là rau đặc sản ở Quảng Nam), “đông lóc” còn nói là “giông lóc”... Ngoài ra, cần lưu ý dấu thanh luôn nằm trên hoặc dưới đỉnh âm tiết những từ hoặc biến thể ngữ âm dễ viết sai khi học tiếng mẹ đẻ cũng như học tiếng Việt như một ngoại ngữ, ví dụ: giặt gia quần áo, một giạ lúa (vị trí thanh “nặng” trong âm tiết khác nhau), muá xoè (thanh “huyền” đánh trên đỉnh âm tiết “e”), cho nên viết “xòe Thái” như trong tiêu đề trên truyền hình là sai chính tả. Tương tự như với “vỡ hụi, quý giá... là viết đúng chính tả. Những từ như ngoáo ộp/ngáo ộp, xe buýt/xe byt, thùng phuy/thùng phy (biến thể rút gọn dùng trong khẩu ngữ). Nhiều từ láy viết sai do không nắm được quy tắc ngữ âm của từ láy hoặc hiểu nhầm là từ láy. Chẳng hạn, sứt sùi (đ) /sứt xùi, sứt soát (đ)/xuyết soát (s), sum sê (đ)/sum xuê,”soi xét”(đ)/xoi xét(s), san sẻ (đ)/san xẻ (s), suôn sẻ (đ)/suôn xẻ (s)...

4.2. Trong tiếng Việt có một mảng từ ngữ khác gồm cả từ thuần Việt & Hán Việt dễ bị nói hoặc viết sai chính tả với học sinh, sinh viên & cả trên phương tiện thông tin đại chúng do áp lực thói quen của một nhóm người trong quá trình sử dụng. Chẳng

hạn: bắt chước (đúng)/bắt chiếc (sai), kết cục (đ)/kết cuộc (s), chẩn đoán (đ)/chuẩn đoán (vô nghĩa)(s), sáp nhập (đ)/sát nhập (vô nghĩa) (sai), tham quan (đ)/thăm quan (s), xác đáng (đ)/sát đáng (s), vô hình trung (đ)/vô hình chung (s), phong thanh (đ)/phong phanh (s), đảng hoàng, đường hoàng (đ)/đoàng hoàng (s), huyền thiên (biến thể huyền thuyên) (đ)/“luyên thuyên (s), xán lạn (đ)/sáng lạn (s), câu kết (đ)/câu kết (s), cát cứ (đ)/cát cứ (s), nộ khí xung thiên (đ)/nộ khí sung thiên (s)...

V. Hiện tượng cấu từ & ngữ nghĩa

5.1. Hiện tượng này liên quan chặt chẽ với hiện tượng ngữ âm - chính tả nêu trên trong đó quan trọng nhất là ngữ nghĩa, vì nhờ đó mới có thể giao tiếp được. Từ Hán Việt phải phiên đúng, chẳng hạn: tham quan, vô hình trung... Có những từ phức tạp hơn về ngữ nghĩa, không thể lấy áp lực thói quen sử dụng của số ít người trong cộng đồng ngôn ngữ làm lệch chuẩn, chẳng hạn: “phong thanh” (gốc Hán “风声”) với nghĩa “thoáng nghe được, biết được, chưa rõ ràng chắc chắn” (từ có lý do ngữ nghĩa theo từ Hán) không thể như Từ điển tiếng Việt giải thích cn (còn nói) hoặc ĐN (đồng nghĩa) “phong phanh” (từ láy thuần Việt) với nghĩa “quần áo ít mỏng manh không đủ ấm” vì chúng là hai từ khác xa nhau về nghĩa, không thể vô đoán cho là biến thể ngữ âm hoặc từ đồng nghĩa với “phong thanh”, tổ hợp cú pháp “nghe phong thanh” & “ăn mặc phong phanh” càng cho thấy sự khiên cưỡng của quan điểm này. Trường hợp tương tự như “huyền thiên” (gốc Hán “喧天”) với nghĩa bóng “nhiều lời & lan man chưa hết chuyện này đã sang chuyện khác” theo chúng tôi chỉ nên dùng một biến thể ngữ âm - chữ viết. Có những từ do không rõ nguồn gốc Hán

Việt, vì vậy đã viết hoặc nói sai, chẳng hạn: Xán lạn (gốc Hán “灿烂”) với nghĩa “tươi sáng, rực rỡ” viết sai thành “sáng lạn”; Cát cứ (gốc Hán “割据”) với nghĩa “chia cắt lãnh thổ, lập quyền riêng, không phục tùng trung ương” viết sai thành “cát cứ”.

Câu kết (từ gốc Hán “勾结”) với nghĩa xấu “hợp lại với nhau thành vây cánh, âm mưu làm điều xấu xa”, các yếu tố cấu thành đều có nghĩa, “câu” & “kết” theo nghĩa gốc là “ngầm thông đồng với nhau làm điều xấu (tiếng Hàn cổ “勾” như “钩” với nghĩa “móc nối, ăn cắp”) có thể dùng thay cho nhau đều cùng chỉ nghĩa này). Dùng từ “câu kết” là võ đoán, tối nghĩa, hơn nữa có nhà nghiên cứu giải thích là do lẫn với từ “kết cấu” lại càng sai. Song tần số sử dụng từ này có xu hướng cao hơn, chúng đã dần loại bỏ từ có thể diễn nghĩa một cách chính xác, chặt chẽ để dùng một từ theo thói quen võ đoán với hy vọng cứ dùng mãi sẽ đúng. Hai từ khác nhau “mại dâm & mãi dâm” có hướng chỉ ngữ nghĩa đối nhau chứ không như từ điển giải thích.

Tập san “咬文嚼字 - Bắt bẻ chữ nghĩa” (NXB văn hóa Thượng Hải, ra đời năm 1995) theo hình thức nguyệt san đóng góp to lớn cho việc chuẩn hóa và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Hán. Tập san nhằm giúp chỉnh sửa các kiểu lỗi sai ngữ văn trên các phương tiện thông tin đại chúng, tác phẩm văn học nổi tiếng, tập trung xoi lời nói của MC trên CCTV, nhà văn, xoi chữ nghĩa để nhằm lẫn dùng sai trong đó có việc chuẩn hóa chữ Hán, nhất là có nhiều kiến thức còn chưa có trong bài học hoặc trong từ điển. Đây là một trong những tập san nổi tiếng, đặc sắc ở TQ có vai trò quan trọng thúc đẩy

việc chuẩn hóa tiếng Hán, giáo dục ngôn văn hóa TQ, dạy học tiếng Hán như một ngoại ngữ. Đồng thời cũng liên quan đến những hiện tượng nêu trong bài viết này, nên chẳng các nhà Việt ngữ học cũng tiếp cận, nhìn nhận tiếng Việt theo con đường của tập san nêu trên.

5.2. Đặc điểm cấu tạo từ giữa các từ vay mượn Hán Việt tác động tới tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.

Trật tự của các yếu tố cấu từ có vai trò quan trọng hai ngôn ngữ, chẳng hạn: “tội phạm” (gốc Hán “罪犯” chỉ “người phạm tội”) khác với “phạm tội” (gốc Hán “犯罪” chỉ hành động). Từ điển là sách công cụ, là người “thầy giáo” trong quá trình dạy học tiếng & nghiên cứu ngôn ngữ & văn hóa. Tuy vậy, xác định mục từ và ngữ nghĩa hóa chúng vẫn còn những vấn đề. Xin nêu một ví dụ điển hình, hai từ “nhân tình” và “tình nhân” của Từ điển tiếng Việt được giải thích thiếu chính xác, không rõ ràng, khó cho việc sử dụng. Theo khảo cứu, hai từ này đều bắt nguồn từ tiếng Hán phải được lý giải như sau: “nhân tình”- tình cảm giữa con người với nhau, tình người (từ gốc Hán “人情”), ví dụ “nhân tình thế thái”, “nhân tình nhân nghĩa”... “tình nhân”- người tình, người yêu (từ thuần Việt, gốc Hán “情人”). Từ nguồn gốc ta thấy, “nhân tình” không thể chỉ “người tình” hoặc “tình nhân” do trật tự các yếu tố cấu từ ngược lại nhau. Trường hợp tương tự, từ “khí tiết” và “tiết khí” trong tiếng Việt cũng là hai từ hoàn khác nhau, có nguồn gốc từ “气节” “节气” trong tiếng Hán: khí tiết: chí khí kiên cường trong việc bảo vệ giá trị và danh dự của mình (chí khí, khí phách, tiết tháo), tiết (khí- thuật ngữ thiên văn học) chỉ 24 tiết (ngày tiết) trong lịch

truyền thống Trung Hoa. Tương tự, hai từ có nghĩa hoàn toàn khác cũng dễ bị nhầm lẫn: “yếu điểm”: điểm quan trọng; “điểm yếu”: nhược điểm, chỗ yếu.

Tuy nhiên, một số từ ghép hoặc cụm từ tiếng Việt lại song song tồn tại cả hai trật tự, ví dụ: tham quan, dân ý (trật tự tiếng Hán)/quan tham, ý dân (trật tự tiếng Việt), Mỹ kim (từ Hán Việt/Đô la, tiền Việt/đồng Việt Nam. Tuy vậy, để bảo đảm nhất quán tính hệ thống không nên dùng thuật ngữ “Việt Nam đồng”, thượng tầng kiến trúc, hạ tầng cơ sở (vay mượn theo kiểu căn ke trật tự cú pháp tiếng Hán)/ kiến trúc thượng tầng, cơ sở hạ tầng (nói theo kiểu cụm từ chính - phụ tiếng Việt); tham quan ô lại (nói theo trật tự tiếng Hán)/quan lại tham nhũng (nói theo trật tự tiếng Việt). Từ dịch tiếng Anh cũng có hiện tượng tương tự như vậy: Adenovirus (dùng nguyên từ tiếng Anh) - virus Adeno (nói theo trật tự cú pháp tiếng Việt).

Từ phỏng tạo theo mô hình sẵn có vẫn có giới hạn của nó mà không cho phép tùy tiện, chẳng hạn mô hình “x+hóa” là từ vay mượn từ tiếng Hán qua gốc phương Tây, x có thể là đơn tiết - ngữ tố hoặc song tiết - ngữ tố, là yếu tố thuần Việt hoặc Hán Việt. Chẳng hạn: bạch hóa, vốn hóa, ngói hóa, trẻ hóa, lão hóa, lượng hóa... lành mạnh hóa, thị trường hóa, đa nguyên hóa, đa dạng hóa, phức tạp hóa, ngữ nghĩa hóa, chuyên nghiệp hóa, tự động hóa, tối ưu hóa, ô xy hóa, bê tông hóa...

Tuy nhiên, không được tùy tiện dùng cụm từ “thực hiện hóa khát vọng phát triển” như số ít phát thanh viên và khách mời nói trên truyền hình (“hóa” là yếu tố dư thừa không cho phép trong trường hợp này, vì bản thân động từ “thực hiện” đã chứa đựng ý nghĩa “hoàn thành, thành hiện thực”. Quan hệ đồng nghĩa sẽ là: thực hiện/hiện thực hóa/biến... thành hiện

thực. Điều đó cũng có nghĩa là, loại hình động từ này sẽ không thể tạo từ theo mô hình “x + hóa”. Ở đây còn có một từ khác liên quan “hiện thực” dùng trong “không ngừng phấn đấu vươn lên hiện thực khát vọng phát triển” bị nhầm lẫn từ loại với động từ “thực hiện” hoặc “hiện thực hóa” thỉnh thoảng xuất hiện trên truyền hình. Hiện tượng từ Hán Việt đồng âm cần phải rạch ròi để lập ra các mục từ trong từ điển và việc dạy học tiếng Việt. Chẳng hạn, từ “đoàn viên” (tr.433) và “tham quan” (tr.1172) trong Từ điển tiếng Việt- Nhà xuất bản Đà Nẵng. Trung tâm từ điển. Hà Nội 2009) được xử lý như những từ đa nghĩa thực sự là không khoa học. Theo chúng tôi, cần lập mục từ “đoàn viên” 1 (danh) với 2 nghĩa (gốc Hán “团员”) đoàn viên 2 (động): đoàn tụ, sum vầy, sum họp (từ gốc Hán “团圆”) phạm vi sử dụng hạn chế, chỉ dùng với người thân trong gia đình, còn “tham quan” 1 (gốc Hán 参观)ⁿ với một nghĩa, ví dụ: tham quan du lịch - tham quan 2 (gốc Hán “贪官” với một nghĩa, thường dùng trong thành ngữ “tham quan ô lại”.

Chú thích từ nguyên các yếu tố Hán Việt phù hợp với đối tượng người học rất cần thiết cho Từ điển giáo khoa và trong dạy học tiếng Việt. Có Từ điển chính tả đã giải thích không đúng, ví dụ “nguyên” trong “đa nguyên” nghĩa là, “nguồn, nguồn gốc”, mà đúng ra là “thành phần, thành tố”. Trường hợp “nguyên” trong “hoàn nguyên” (gốc Hán “还原”) với nghĩa “trạng thái vốn có ban đầu”, trong “căn nguyên” (gốc Hán “根源”) với nghĩa “nguồn gốc, gốc rễ”, “đoàn & viên” trong từ “đoàn viên 2” đều biểu thị “đoàn tụ, sum họp”, “viên” trong “viên mãn” (gốc Hán “圆满”) với nghĩa “trọn vẹn”...

Lớp từ vay mượn gốc Hán ảnh hưởng trực tiếp tới tiếng Việt và văn hóa

Việt là vấn đề đã được chúng tôi đề cập trong một vài bài viết gần đây. Từ nhân danh, địa danh qua phương thức hoán dụ mượn vào tiếng Việt đã làm giàu thêm ngôn ngữ văn hóa Việt Nam, chẳng hạn: “Thái Sơn” (tên núi thuộc tỉnh Sơn Đông phía Bắc Trung Quốc) trong câu ca dao:

Công cha như núi Thái Sơn.

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

“Bao Công”: đại diện cho một vị quan thanh liêm trong sạch, sáng suốt, quyết đoán, dũng cảm lo cho dân, nhà nước pháp quyền rất cần những vị quan như vậy.

Tuy nhiên, danh từ gốc Hán mượn vào tiếng Việt “Mạnh Thường quân” để chỉ “nhà hảo tâm, người tốt bụng” thì lại không ổn chút nào, một số người thì cho rằng, từ sai quen dùng đi dùng lại, cứ dùng mãi sẽ “đúng”, thật là “khoa học”! Từ điển giải thích: Mạnh Thường Quân (d) người nước Tề thời Chiến Quốc ở Trung Quốc xưa, rất giàu có, yêu trọng hiền tài và hay dùng tiền bạc để làm việc nghĩa; dùng để chỉ giúp đỡ về tài chính cho một công việc chung, một tổ chức... (Từ điển tiếng Việt đã dẫn ở trên tr. 785). Ngoài ra, có những trường hợp người ta đều viết chữ thường hoặc viết hoa cả 3 chữ thì đều sai, thực ra “quân” là danh từ chung chỉ “chức được phong” cho cả 4 vị công tử.

Chúng tôi đã có một bài viết phân tích sâu về từ này. Do người biên soạn chỉ dựa vào “Bách khoa thư tiếng Việt” nên mới giải thích thích từ này chưa đầy đủ, thiếu những nội dung cốt lõi, chỉ là phần nổi của tảng băng chìm mà thôi. Đó là động cơ mục đích hành động không đúng đắn, tính thiếu trung thực, tự tư tự lợi, cho vay lãi để giàu có hơn, gây thanh thế cho mình, tội ác sát dân phản quốc... của Mạnh

Thường quân. Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa lịch sử Trung Quốc đã tốn nhiều giấy mực để xếp Tín Lăng quân ở đầu bảng và Mạnh Thường quân đội số ở cuối bảng. Trong” tứ vị công tử”, Tín Lăng quân được xếp trên 3, còn Mạnh Thường quân ở dưới 3. Gần đây, tình cờ tôi có đọc được một bài trên mạng internet thông tin báo chí Đảng cộng sản Trung Quốc mới viết năm 2016 với tiêu đề” vì quan bất học Mạnh Thường quân” (为官不学孟尝君 - làm quan không được học theo Mạnh Thường quân) các bạn học tiếng Hán có thể tìm đọc nguyên văn. Điều đó càng củng cố vững chắc thêm lý giải về hàm nghĩa văn hóa lịch sử của từ này mà chúng tôi đã có dịp đề cập, một lần nữa khẳng định chúng ta đã dùng sai từ này ngay từ đầu khi mượn vào tiếng Việt! Món ăn đặc sản Tàu mà chính họ cũng không thường thức đã dễ dàng lọt qua bộ lọc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, vùng vẫy trong giao tiếp & giao lưu văn hóa cho tới nay, hơn nữa còn gây sốc văn hóa trong giao tiếp ngược lại với dân chúng & nhất là những trí thức TQ. Nhiều người Việt thích dùng từ này cho nó văn chương, thâm thúy. Tôi nghĩ bụng, cứ như thôi thì đâm lao phải theo lao, đã chót thì chết, người hiểu rõ nguồn cơn thì thấy sai sai, người không hiểu thì vẫn thấy hay hay. Theo chúng tôi thì mọi chuyện đều có thay đổi, chúng ta đều biết tên gọi của Thổ Nhĩ Kỳ dùng từ “Turkey”(tiếng Anh) từ 2/6/2022 đã thay bằng một từ bản ngữ được Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế chấp thuận với những lý do về giá trị văn hóa văn minh liên quan tới ngữ nghĩa của các từ đồng âm gọi lên trong đầu óc họ. Cũng như chúng ta hãy quên đi từ «Mạnh Thường quân» trên cơ sở khoa học- lịch sử mà dùng từ» người hảo tâm, người tốt bụng» để hiểu, thuần khiết, đỡ phải bắt thẽ hệ sau hiểu mù mờ hơn buộc phải mặc nhận.

Những người dạy học, nghiên cứu tiếng Trung Quốc hơn ai hết có trách nhiệm đi tiên phong cung cấp cho thế hệ sau tri thức đúng đắn, đầy đủ, khách quan về một từ lịch sử thâm căn cố đế, cứng đầu cứng cổ của văn hóa Trung Hoa. Sức mạnh vĩ đại và ý chí bền bỉ hiện thực hóa khát vọng giữ gìn bản sắc giá trị văn hóa Việt Nam chắc sẽ được nhân lên gấp bội phần!

Thêm một từ gốc Hán “kí sinh trùng” (gốc Hán “寄生虫” mà PTV của VTV1 dùng với nghĩa hoán dụ để chỉ “người buôn bán nhỏ, buôn thúng bán mẹt” là sai, vì từ này đem theo sắc thái xấu. Dùng sai cũng phải thôi, do từ điển không đưa vào và giải thích rõ, theo chúng tôi cần lưu ý tới sắc thái nghĩa của từ vay mượn, ví dụ, Kí sinh trùng: thuật ngữ sinh học giải thích, còn dùng để chỉ “kẻ không chịu lao động, sống nhờ ăn bám người khác” (nghĩa xấu). Từ này dùng để chỉ “người buôn bán nhỏ sống nhờ vào vỉa hè “ làm mất trật tự đường phố, đó sẽ là một quan niệm sai lầm, một thái độ miệt thị đối với thành phần kinh tế này của nhà nước ta. Lốp từ ngữ vay mượn có vai trò quan trọng trong phiên dịch tiếng Việt. Nó làm phong phú thêm ngôn ngữ và văn hóa Việt. Xử lý lốp từ này đương nhiên cũng gắn với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Ngày nay dịch đa ngữ Anh- Hán-Việt là hiện tượng thường gặp do tiếp xúc ngôn ngữ và giao lưu văn hóa diễn ra liên tục thường xuyên. Chúng ta đều thấy, do phạm vi tính chất quốc tế hóa và trình độ dân trí ngày càng cao, nhiều từ dịch sang tiếng Việt đã dùng nguyên tiếng Anh, ví dụ: Aids, internet, WiFi, Facebook, live stream, online, scandal, fanpage, Covid - 19, golf, Logistics, stress, Brexit, chip, container... Tuy nhiên, có những từ còn phải chú ý tới từ dịch nghĩa để hiểu hướng đến công chúng. Logistics/lưu chuyển hàng hóa (thuật ngữ, chỉ tên một ngành

kinh tế), đối dịch Anh - Hán - Việt sẽ là Logistics - 物流 - lưu chuyển hàng hóa, stress - 压力 - áp lực/sức ép, scandal - 丑闻/绯闻 - lùm xùm/bê bối, Brexit - 脱欧 - Anh quốc tách khỏi châu Âu.

Dịch thuật là hoạt động sáng tạo trên cơ sở chuẩn mực sáng tác ngôn ngữ. Có những sự vật hiện tượng chung cho cảnh nhân loại, các ngôn ngữ đều có từ biểu đạt theo cách nhất định, chẳng hạn: Milk Way (màu trắng + con đường) - 银河 (màu trắng + dòng sông)/天河 (vị trí + dòng sông - Ngân Hà/Thiên Hà (từ Hán Việt). Tuy vậy, từ mới vẫn được tạo ra trong dịch văn học, ví dụ: Milk Way - 牛奶路 (là từ do dịch giả nổi tiếng Triệu Cảnh Thâm sáng tạo ra theo cách dịch giữ lại hình ảnh từ bản gốc tiếng Anh “con đường màu sữa” tức dải “Ngân Hà”. Từ này chỉ xuất hiện một lần với phong cách cá nhân mà thôi, không bao giờ đi vào hệ thống thông từ vựng tiếng Hán). Dịch tiếng Việt cũng nhiều khi phải tạo ra những từ mới chỉ những sự vật đặc hữu trong ngôn ngữ gốc, ví dụ: 熊猫 - gấu mèo (xuất phát từ hình dáng)/gấu trúc (xuất từ tập tính ăn uống), 獐 - con Cha (từ dịch âm giữ lại sắc thái địa phương, chỉ loài thú hay ăn dưa chỉ xuất hiện trong tác phẩm “Cổ hương” của Lỗ Tấn), 阳谋 (từ do Mao Trạch Đông sáng tạo ra vào năm 1949 trên cơ sở học thuyết âm- dương, đối nghĩa với từ “阴谋”, từ này sau đã đi vào hệ thống từ vựng) - dương mưu / đối sách, mưu lược đối phó... Tương tự như vậy, trong tiếng Việt có những từ thay đổi hình thức chính tả xuất phát từ nhà văn, chẳng hạn từ “dông tố” đã có sẵn trong, nhưng khi tiểu thuyết Giông tố của Vũ Trọng Phụng ra đời năm 1936 thì lập tức lại thay đổi theo. Thực ra, có thể coi đây là từ mang phong cách cá nhân nhà văn, nên coi “dông tố” là chuẩn mực chính tả. Trên thực tế tần số sử dụng từ này vẫn cao hơn. Điều này cho thấy, cần phải đánh giá xác

đáng vai trò của cá nhân đối với sự phát triển của ngôn ngữ.

VI. Hiện tượng cú pháp và ngữ nghĩa

6.1. Ranh giới giữa cụm từ với từ ghép

Một số hiện tượng cú pháp được sử dụng với tần số cao trên mặt báo và truyền hình gây khó dễ cho việc phân tích ngữ pháp, lý giải ngữ nghĩa - cú pháp, vận dụng vào thực tế, nhất là đối học sinh, sinh viên. Chẳng hạn: phòng, chống tham nhũng; phòng & chống tham nhũng (a); phòng chống tham nhũng (b). Trong đó cần làm rõ, nhóm (a) là hai cụm từ đẳng lập “phòng, chống” nhấn mạnh ý nghĩa liệt kê (dùng dấu “;”) & “phòng và chống” nhấn mạnh ý nghĩa cộng (dùng “và”), còn nhóm (b) là từ ghép đẳng lập với “phòng chống” nhấn mạnh ý nghĩa khái quát chung. Nhịp điệu tiết tấu khi nói/đọc cần được lưu ý:

phòng, chống tham nhũng 1+1+2

phòng và chống..... 3 + 2

phòng chống..... 2 + 2

Tương tự như trên, còn có nhiều từ ghép như “miễn giảm phòng tránh, phòng chữa, bóc dỡ, xuất nhập khẩu, thủy hải sản, trang thiết bị, động thực vật, ưu khuyết điểm, bệnh tay chân miệng, nguyên nhiên vật liệu” được rút gọn từ những cụm từ, có tần số sử dụng cao hơn. cụm từ tương ứng ít dùng hoặc không dùng nữa.

6.2. Hiện tượng một vài dấu câu tiếng Việt sử dụng “trăm hoa đua nở” gây khó dễ cho việc lý giải ngữ nghĩa trong dạy học và phiên dịch tiếng Việt. Chúng tôi xin đơn cử về cách sử dụng dấu phẩy “;” và dấu gạch nối “-” của tiếng Việt trong nhiều năm trở lại đây, phân tích đặc trưng cú pháp- ngữ nghĩa của chúng, đưa ra những hiện tượng thiếu nhất quán trong quá trình sử dụng.

6.2.1. Sử dụng dấu phẩy “;”

Dấu “;” có nhiều chức năng cú pháp- ngữ nghĩa khác nhau, chúng tôi chỉ nêu một số chức năng liên quan bài viết.

+ Dùng ngăn cách giữa các từ ngữ đẳng lập, biểu thị ý nghĩa “liệt kê”, chẳng hạn: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội hay Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Nga, Ukraine,... tiến hành đàm phán.

+ Dùng ngăn cách giữa các từ ngữ biểu thị ý nghĩa quan hệ phụ thuộc lẫn nhau theo tầng bậc khác nhau, chẳng hạn: quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam; thôn Sơn Phụng, (xã) Văn Quán, (huyện) Lập Thạch, (tỉnh) Vĩnh Phúc; Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, trường ĐHNN- ĐHQG Hà Nội (dạng đầy đủ dễ hiểu, không dấu phẩy, quan hệ liên tục chặt chẽ: “Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc trường ĐHNN thuộc ĐHQG Hà Nội”).

Hai trường hợp trên dễ bị nhầm lẫn khi tri giác ngữ nghĩa ở dạng nói rút gọn, nhất là với người nước ngoài học tiếng Việt.

6.2.2. Sử dụng dấu gạch nối “-”

+ Theo thói quen được dùng trong một vài từ địa danh, chẳng hạn: Thừa Thiên - Huế, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Phong Nha - Kẻ Bàng...

+ Nói hai thành tố đẳng lập biểu thị ý nghĩa quan hệ hoặc ý nghĩa tác động qua lại, chẳng hạn: chiến tranh Nga - Ukraine, Diễn đàn kinh tế - xã hội 2022 (cụm từ “kinh tế- xã hội” có nguồn gốc từ tiếng Hán “经济社会” mượn vào tiếng Việt từ những năm 70 của thế kỷ 20, do thấy được tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội trong quá trình phát triển).

6.2.3. Những cách dùng thiếu nhất quán hoặc không thỏa đáng.

+ Hiện tượng thiếu nhất quán, ví dụ: Luật phòng chống bạo lực gia đình/ Luật phòng, chống bạo lực gia đình (tên gọi

luật phải dùng từ “phòng chống” mang tính khái quát chung); TP. Hà Nội, Việt Nam/TP. Hà Nội - Việt Nam/TP. Hà Nội (Việt Nam); Trường ĐHNN, ĐHQG Hà Nội/ Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội.

+ Cách dùng thiếu thỏa đáng, ví dụ: Hải Phòng 32°C Hà Nội 30°C Ninh Bình 31°C Quảng Ninh 31°C Thanh Hóa 32°C Huế 25°C TP. Hồ Chí Minh 26°C .../ Thượng Hải: 20°C Seoul 24°C Singapore 26°C New York 19°C Paris 17°C (đây là cách dùng liệt kê thông tin thời tiết trên truyền hình, đúng ra phải là “Hải Phòng 32°C, Hà Nội 30°C, Ninh Bình 31°C, Quảng Ninh 31°C, Thanh Hóa 32°C, Huế 25°C, TP. Hồ Chí Minh 26°C..., ví dụ sau bỏ dấu:, tương tự như trên thêm dấu phẩy)

Việt Trì - thành phố miền lễ hội Văn

Miếu - trường đại học đầu tiên của Việt Nam

Những trường hợp này dùng dấu gạch nối “-” không thỏa đáng mà phải dùng gạch ngang “—” mới chính xác:

Việt Trì — thành phố miền lễ hội

Văn Miếu — trường đại học đầu tiên của Việt Nam

Thông qua dịch thuật, một số cấu trúc tiếng nước ngoài được mượn vào tiếng Việt làm phong phú thêm sắc thái ngôn ngữ và văn hóa Việt trong tiếp xúc ngôn ngữ và giao lưu văn hóa quốc tế. Chẳng hạn: Hãy nói không với tệ nạn xã hội (ý nghĩa phủ định); Là một nhà báo, phải xứng đáng là một chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa (hình thức bán vị ngữ trong tiếng Việt); Chiến thắng 30/4 đã đi vào lịch sử như một Bạch Đằng, Đống Đa của thế kỷ 20. (ý nghĩa so sánh).

VII. Kết luận

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt gắn liền với chuẩn hóa ngôn ngữ, mà

chuẩn hóa tiếng Việt phải được xem xét từ nhiều khía cạnh như đã nêu trong bài viết. Từ ngữ được tạo ra theo thói quen mang tính võ đoán hoặc phi logic bị lạm dụng sẽ làm mất tính khoa học chặt chẽ của tiếng Việt đồng thời tăng thêm gánh nặng tri thức không cần thiết;

Truyền bá và giao lưu văn hóa, phải luôn lấy mình làm chính, giữ gìn tính độc lập và sự trong sáng của tiếng Việt vẫn là điều không thể chối bỏ; Chuẩn hóa tiếng Việt không chỉ là vấn đề nội bộ hệ thống tiếng Việt mà còn liên quan tới các ngôn ngữ khác trong thời đại thông tin nối mạng toàn cầu hóa. Trong đó, quan hệ vay mượn từ tiếng Hán đã được nghiên cứu khá nhiều, song vẫn còn tồn tại không ít hiện tượng cần được thống nhất xử lý. Điều đáng lưu ý là trong tiếng Việt hiện đang đại sử dụng nguyên tiếng Anh xen kẽ nhiều khi đến mức lạm dụng lại càng sẽ phá vỡ sự trong sáng của tiếng Việt. Điều này cần phải cân nhắc kỹ lưỡng ở hai mặt với tư cách ngôn ngữ chuyên ngành và ngôn ngữ đại chúng; Từ điển tiếng Việt các loại phải là công cụ mang tính chuẩn mực cao, giúp sử dụng tiếng Việt nhất quán trong mọi lĩnh vực, nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh và truyền hình, văn hóa giáo dục. Vấn đề ngôn ngữ- văn tự được nâng lên tầm chiến lược an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa nhất là trong dịch thuật tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, 2009.
- [2]. Một số bản tin VTV Đài truyền hình Việt Nam, nhất là kênh VTV1.
- [3]. 现代汉语词典 & một số bài viết qua tiếng Hán liên quan.

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Email: huucau021947@gmail.com

